

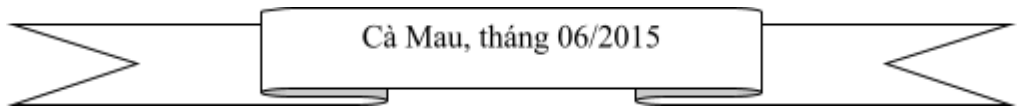
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH



ĐẶNG THÙY DUNG
MSSV: CM1420K014

**KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO
LƯƠNG TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT
THÀNH VIÊN XĂNG DẦU KIM SƠN TẠI CÀ MAU**

CHUYÊN ĐỀ
Ngành kế toán
Mã ngành 52340301



MỤC LỤC

Chương 1 Giới thiệu

1.1 Đặt vấn đề	1
1.2 Mục tiêu nghiên cứu	2
1.2.1 Mục tiêu chung	2
1.2.2 Mục tiêu cụ thể	2
1.3 Phương pháp nghiên cứu	2
1.4 Phạm vi nghiên cứu	2
1.4.1 Đối tượng nghiên cứu	2
1.4.2 Thời gian nghiên cứu	2

Chương 2 Cơ sở lý luận về tiền lương và các khoản trích theo lương

2.1 Tổng quan về các khoản phải trả cho người lao động (tiền lương)	3
2.1.1 Khái niệm về tiền lương	3
2.1.2 Phân loại lao động trong doanh nghiệp	3
2.1.3 Các hình thức trả lương cho người lao động	3
2.2 Các khoản trích theo lương	5
2.2.1 Kinh phí công đoàn (KPCĐ)	5
2.2.2 Bảo hiểm xã hội (BHXH)	6
2.2.3 Bảo hiểm y tế (BHYT)	6
2.2.4 Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN))	6
2.3 Nhiệm vụ của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	6
2.4 kế toán phải trả cho người lao động và các khoản trích theo lương	7
2.4.1 Kế toán phải trả cho người lao động (Tiền lương)	7
2.4.2 Các khoản trích theo lương	10
2.4.3 Kế toán trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất	11

Chương 3 Thực hiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHHMTV xăng dầu kim Sơn

3.1 Khái quát về công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn	13
---	----

3.1.1 Khái quát về công ty và cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	13
3.1.2 Chế độ, hình thức và phương pháp kế toán	14
3.1.3 Tổ chức kế toán của Công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn	14
3.1.4 Hình thức sổ sách áp dụng tại Công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn	15
3.2 Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn	16
3.2.1 Phương pháp tính lương tại Công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn	16
3.2.2 Tổng quan về các khoản trả cho người lao động tại công ty xăng dầu Kim Sơn	17
3.3 Thực trạng về kế toán các khoản phải trả cho người lao động, các khoản trích theo lương và trích trước tiền lương nghỉ phép của nhân viên trong Công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn	18
3.3.1 Kế toán các khoản phải trả cho người lao động	18
3.3.2 Các khoản trích theo lương	20
3.4 Ưu, nhược điểm và giải pháp khắc phục phương thức hạch toán tại công ty	20
3.4.1 Ưu và nhược điểm của phương thức hạch toán tại công ty	20
3.4.2 Giải pháp khắc phục	21

Chương 4 Kết luận

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1 Sơ đồ chữ T về phương pháp hạch toán tài khoản 334	9
Hình 2.2 Sơ đồ chữ T về phương pháp hạch toán tài khoản	11
Hình 3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý	13
Hình 3.2. sơ đồ tổ chức kế toán	14
Hình 3.3. Sơ đồ nhật ký chung	15
Hình 3.4 Sơ đồ sử dụng tài khoản 334	19

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
TNHHMTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU

1.1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển của đất nước không tách khỏi 3 yếu tố: vốn, khoa học kỹ thuật và con người (tiền lương) để tạo ra sản phẩm hàng hóa xã hội. Ngày nay, tuy khoa học kỹ thuật có thể được xem là yếu tố quyết định cho sự phát triển nhanh hay chậm của đất nước, nhưng không vì thế mà yếu tố con người kém phần quan trọng.

Đối với Việt Nam, nền kinh tế trong giai đoạn hội nhập vào nền kinh tế Thế Giới, và khi đã bước vào thương trường quốc tế, thì phải chấp nhận sự cạnh tranh khốc liệt về chất lượng, cũng như về số lượng, khoa học kỹ thuật của Việt Nam còn bị hạn chế thì con người trở thành yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định phát triển nhanh hay chậm của nền kinh tế đất nước.

Tiền lương là biểu hiện bằng tiền mà doanh nghiệp trả cho người lao động tương ứng với thời gian, chất lượng và kết quả lao động mà họ đã cống hiến. Tiền lương là nguồn thu nhập chủ yếu của người lao động. Gắn chặt với tiền lương là các khoản trích theo lương bao gồm BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ. Đây là các quỹ xã hội thể hiện sự quan tâm của toàn xã hội đối với người lao động.

Từ đó thấy được kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp cũng rất quan trọng. Do vậy em chọn đề tài “*Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp*” làm báo cáo chuyên đề thực tập của mình.

1.2 Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1 Mục tiêu chung

Nghên cứu thực trạng hạch toán công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn năm 2014. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty trong thời gian tới.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

Xác định được cách tính tiền lương.

Phân tích thực trạng về kế toán tiền lương của Công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn.

Đưa ra những ý kiến, giải pháp nhằm khắc phục những khuyết điểm và nâng cao những ưu điểm đã có sẵn của Công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn.

1.3 Phương pháp nghiên cứu

Đề tài có sử dụng một số thông tin sơ cấp về thực hiện chế độ kế toán và tổ chức công tác kế toán bằng phương pháp thu thập các số liệu, sổ sách kế toán, chứng từ có liên quan đến công tác lương và các khoản trích theo lương. Và vài số liệu thứ cấp của đề tài bao gồm số liệu về lương và các khoản trích theo lương được thu thập từ báo cáo năm 2014, 2015.

1.4 Phạm vi nghiên cứu

1.4.1 Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu tại Công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn về kế toán tiền lương các khoản trích theo lương: bảng chấm công, bảng lương, chứng từ,...

1.4.2 Thời gian nghiên cứu

Phạm vi không gian tại Công ty TNHH MTV xăng dầu Kim Sơn.

Thời gian từ ngày 01/09/2014 đến 01/12/2014.

Thời gian của số liệu về Lương và các khoản trích theo lương trong năm 2014.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

2.1 Tổng quan về các khoản phải trả cho người lao động (tiền lương)

2.1.1 Khái niệm về tiền lương

- Tiền lương, tiền công là phần thù lao lao động được biểu hiện bằng tiền mà tổ chức sử dụng lao động phải trả cho người lao động, căn cứ vào thời gian, khối lượng và chất lượng của người lao động. Có thể nói tiền lương là thù lao, tiền công phải trả cho người lao động.

- Để hiểu rõ hơn về phương thức trả lương cho người lao động ta cần tìm hiểu thêm về cách phân loại người lao động.

2.1.2 Phân loại lao động trong doanh nghiệp

- Theo tính chất hợp đồng thì ta có:
 - + Lao động hợp đồng dài hạn: Là những lao động làm việc theo chế độ hợp đồng dài hạn từ 1 năm trở lên.

+ Lao động hợp đồng ngắn hạn: là những lao động làm việc theo chế độ hợp đồng thời vụ dưới 1 năm.

- Theo lao động trực tiếp hay gián tiếp ta có:

+ Lao động trực tiếp: Là lao động tham gia vào quá trình trực tiếp sản xuất sản phẩm.

+ Lao động gián tiếp: Là lao động phục vụ cho lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh.

- Theo chức năng lao động ta có:

+ Lao động thực hiện chức năng sản xuất.

+ Lao động thực hiện chức năng bán hàng.

+ Lao động thực hiện chức năng quản lý.

2.1.3 Các hình thức trả lương cho người lao động

2.1.3.1 Trả lương theo thời gian

- Trả lương theo thời gian là hình thức trả lương cho người lao động căn cứ vào thời gian lao động thực tế.

- Các loại tiền lương theo thời gian:

+ Tiền lương tháng: Được quy định sẵn đối với từng bậc lương trong các tháng lương.

$\text{Lương Tháng} = \frac{\text{Mức lương tối thiểu}}{\text{tối thiểu}} \times (\text{Hệ số lương} + \text{Các khoản phụ cấp})$
(2.1)

+ Tiền lương tuần: Là tiền lương trả cho người lao động theo mức lương tuần và số ngày làm việc thực tế trong tuần.

$\text{Lương Tuần} = \frac{\text{Lương tháng}}{\text{Số tuần làm việc trong tháng}}$
(2.2)

+ Tiền lương ngày: Là tiền lương trả cho người lao động theo mức lương ngày và số ngày làm việc thực tế trong tháng.

$\text{Lương ngày} = \frac{\text{Lương tháng}}{\text{Số ngày làm việc trong tháng}}$
(2.3)

=

+ Tiền lương giờ: Thường được áp dụng để trả lương cho người lao động trực tiếp trong thời gian làm việc không hưởng theo lương sản phẩm.

$\frac{\text{Tiền lương}}{\text{Giờ}} = \frac{\text{Mức lương ngày}}{\text{Số giờ làm việc trong ngày theo chế độ qui định}} \quad (2.4)$

- Các hình thức trả tiền lương theo thời gian:

+ Tiền lương giản đơn: Căn cứ vào thời gian làm việc, mức lương cơ bản, các khoản phụ cấp để tính trả lương cho người lao động.

+ Tiền lương có thưởng: Hình thức này nhằm kích thích người lao động tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và chú ý đến công việc được giao.

2.1.3.2 Trả lương theo sản phẩm

- Là hình thức trả lương cho người lao động căn cứ vào số lượng, chất lượng sản phẩm hoặc công việc đã hoàn thành.

- Các hình thức trả lương theo sản phẩm:

+ Trả lương theo sản phẩm trực tiếp: Hình thức này được áp dụng cho công nhân trực tiếp sản xuất, công việc của họ có tính độc lập, có thể định mức, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm một cách cụ thể, riêng biệt.

+ Trả lương theo sản phẩm gián tiếp: Hình thức này được sử dụng để tính lương phải trả cho công nhân phục vụ quá trình sản xuất như vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm, bảo dưỡng máy móc. Lao động của những người không trực tiếp sản xuất ra sản phẩm nhưng có ảnh hưởng gián tiếp đến năng suất lao động của nhân công trực tiếp sản xuất.

+ Trả lương theo sản phẩm lũy tiến: Đây là hình thức trả lương theo sản phẩm kết hợp với hình thức tiền thưởng khi người lao động có số lượng sản phẩm trên mức qui định.

+ Trả lương khi làm việc thêm giờ: Đây là hình thức trả lương mà người sử dụng lao động trả khi có yêu cầu làm thêm định mức giờ tiêu chuẩn. Được tăng thêm:

♦ 50% nếu sản phẩm được làm thêm vào ngày thường.

- ◊ 100% nếu sản phẩm được làm thêm vào ngày nghỉ hàng tuần.
- ◊ 200% nếu sản phẩm được làm thêm vào ngày tết.
- + Trả lương làm việc vào ban đêm: Áp dụng đối với người lao động được trả lương theo sản phẩm, lương khoán nếu làm việc vào ban đêm.
 - Việc trả lương theo sản phẩm có những ưu, khuyết điểm sau:
 - + Ưu điểm: Hình thức trả lương này ít bị thay đổi, tạo cảm giác an toàn cho người lao động khi làm việc. hình thức này gắn được thu nhập cho người lao động với kết quả họ làm ra, chính vì vậy tạo điều kiện cho người lao động có hứng thú và tham gia lao động một cách nhiệt tình và hăng say.
 - + Nhược điểm: Người công nhân ít quan tâm đến chất lượng sản phẩm, tinh thần tập thể tương trợ lẫn nhau trong quá trình sản xuất kém, hay có tình trạng dẫu nghề, dẫu kinh nghiệm..... hiệu quả công việc không cao.

2.1.3.3 Các hình thức trả lương khác

- Tiền thưởng: Doanh nghiệp sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước thì trích một phần từ lợi nhuận còn lại để thưởng cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp từ 1 năm trở lên.
- Phúc lợi: Phúc lợi thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đối với người lao động. có tác dụng kích thích nhân viên gắn bó với doanh nghiệp.
- Phụ cấp: Các khoản trợ cấp trong doanh nghiệp bao gồm: phụ cấp khu vực, trách nhiệm, độc hại, thu hút, đất đỏ, làm thêm, thêm giờ.

2.2 Các khoản trích theo lương

2.2.1 Kinh phí công đoàn (KPCĐ): Tài khoản 3382

- Là khoản tiền để duy trì hoạt động các tổ chức công đoàn đơn vị và công đoàn cấp trên. Các tổ chức hoạt động nhằm bảo vệ quyền lợi và nâng cao đời sống của người lao động. Theo chế độ hiện hành, kinh phí công đoàn được tính theo tỷ lệ 2% trên tổng tiền lương thực tế phải trả cho người lao động, kể cả hợp đồng theo thời gian.

2.2.2 Bảo hiểm xã hội (BHXH): Tài khoản 3833

- Quỹ bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh nhằm trợ cấp cho trường hợp công nhân viên tạm thời hay vĩnh viễn mất sức lao động như đau ốm, thai sản, tai nạn lao động,.....

- Theo chế độ hiện hành, BHXH được tính như sau: 26% trên tổng quỹ lương cấp bậc và các khoản phụ cấp thường xuyên của người lao động thực tế trong kì hạch toán. Trong đó, người sử dụng lao động phải nộp 18% và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, còn lại là người lao động nộp 8% và trừ vào lương hàng tháng.

2.2.3 Bảo hiểm y tế (BHYT): Tài khoản 3384

- Quỹ bảo hiểm y tế: Được sử dụng để thanh toán các khoản tiền khám chữa bệnh, viện phí,...và chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong thời gian đau ốm sinh đẻ.

- Theo chế độ hiện hành thì quỹ bảo hiểm y tế được tính 4,5% bắt buộc. Trong đó, doanh nghiệp phải chịu 3% khoản này tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, còn lại 1,5% do người lao động nộp, khoản này trừ vào tiền lương của họ.

2.2.4 Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) : Tài khoản 3389

- Là khoản tiền mà người lao động được hưởng trong trường hợp bị mất việc làm, chấp dứt hợp đồng lao động mà chưa có việc làm...Để được hưởng khoản trợ cấp này thì người sử dụng lao động và người lao động phải đóng góp vào quỹ thất nghiệp theo quy định của nhà nước. Bảo hiểm này được hình thành bằng cách trích theo tỉ lệ 2% trên tổng số lương phải trả hàng tháng (1% tình vào chi phí sản xuất kinh doanh, 1% còn lại do người lao động đóng)

2.3. Nhiệm vụ của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

Để thực hiện chức năng của kế toán trong việc điều hành quản lý hoạt động của doanh nghiệp, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương có những nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp một cách trung thực, kịp thời, đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về số lượng, chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động.

- Tính toán chính xác, kịp thời, đúng chính sách, chế độ các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp phải trả cho người lao động. Phản ánh kịp thời đầy đủ, chính xác tình hình thanh toán các khoản trên cho người lao động.

- Thực hiện việc kiểm tra tình hình huy động và sử dụng lao động, tình hình chấp hành các chính sách, chế độ về lao động tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ. Tình hình sử dụng quỹ tiền lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ.

- Tính toán và phân bổ chính xác, đúng đối tượng các khoản tiền lương, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh – hướng dẫn kiểm tra các bộ phận trong đơn vị thực hiện đầy đủ, đúng dẫn các chế độ ghi chép ban đầu về lao động, tiền lương, BHXH, BHYT. Mở sổ kế toán và hoạch toán lao động, tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, KPCĐ đúng chế độ, đúng phương pháp kế toán.

2.4 Kế toán phải trả cho người lao động và các khoản trích theo lương

2.4.1 Kế toán phải trả cho người lao động (Tiền lương)

2.4.1.1 Chứng từ và thủ tục liên quan

- Bảng chấm công.
- Phiếu xác nhận sản phẩm.
- Phiếu nghỉ hưởng BHXH.
- Phiếu báo giờ làm thêm.
- Bảng thanh toán tiền lương.

...

2.4.1.2 Tính lương và các trợ cấp BHXH

- Việc tính lương, trợ cấp BHXH và các khoản phải trả cho người lao động được thực hiện tại phòng kế toán. Hàng tháng căn cứ vào tài liệu hạch toán về thời gian kết quả lao động và chính sách xã hội về lao động, tiền lương, BHXH do nhà nước ban hành.

- Tiền lương được tính riêng cho từng người và tổng hợp theo từng bộ phận lao động, phản ánh vào “Bảng thanh toán tiền lương” lập cho bộ phận đó.

- Căn cứ vào chứng từ “phiếu nghỉ hưởng BHXH” kế toán phải tính phụ cấp BHXH phải trả công nhân viên và phản ánh vào “Bảng thanh toán BHXH”.

- Căn cứ vào “Bảng thanh toán tiền lương” của từng bộ phận để chi trả, thanh toán tiền lương cho công nhân viên, đồng thời phải tổng hợp tiền lương phải trả trong kỳ theo từng đối tượng sử dụng lao động, tính toán trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định, kết quả tổng hợp, tính toán được phản ánh trong “Bảng phân bổ tiền lương và BHXH”.

2.4.1.3 Phương thức thanh toán lương

- Việc trả lương trong doanh nghiệp thường được tiến hành hai kỳ trong tháng:
 - + Kỳ 1: Tạm ứng lương công nhân viên đối với những người tham gia lao động trong tháng.
 - + Kỳ 2: Sau khi tính lương và các khoản phải trả cho công nhân viên, trong tháng thanh toán nốt số tiền còn lại được lãnh trong tháng đó cho người lao động sau khi trừ đi các khoản khấu trừ
- Việc chi lương do thủ quỹ thực hiện. Thủ quỹ căn cứ vào “bảng thanh toán lương”. Nếu trong tháng vì một lý do nào đó người lao động chưa nhận lương, thủ quỹ phải lập danh sách ghi chuyển họ tên, số tiền của họ từ “Bảng thanh toán lương” sang “Bảng thanh toán với công nhân viên chưa nhận lương”.

2.4.1.4 Tài khoản sử dụng hạch toán

- Tài khoản sử dụng 334 “Phải trả công nhân viên”.

Nợ	334	Có
- Các khoản đã trả, đã ứng cho nhân viên. - Các khoản khấu trừ vào tiền lương, tiền công của công nhân viên.		- Các khoản tiền lương, BHXH Phải hạch toán và chi phí.
		Số tiền lương còn phải trả trong BHXH còn phải trả cuối kỳ. cuối kỳ

2.4.1.5 Các nghiệp vụ phát sinh và phương pháp hạch toán

- Số tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương theo quy định phải trả công nhân viên (CNV).

Nợ TK 241, 622, 623, 627, 641, 642

Có Tk 334 Phải trả công nhân viên.

- Tiền thưởng phải trả CNV.

Nợ TK 431 Quỹ khen thưởng phúc lợi.

Có TK 334 Phải trả CNV.

- Tiền BHXH (ốm đau, thai sản,...) phải trả thay lương CNV .

Nợ TK 338 Phải trả, phải nộp khác.

Có TK 334 Phải trả CNV.

- Các khoản khấu trừ vào lương và thu nhập như tạm ứng, BHYT,...

Nợ TK 334 Phải trả CNV.

Có TK 138, 141, 338.

- Số thuế thu nhập các nhân.

Nợ TK 334 Phải trả CNV.

Có TK 333 thuế.

- Ứng trước, tiền công lao động thuê ngoài.

Nợ TK 334 Phải trả CNV.

Có TK 111, 112.

- Thanh toán các khoản phải trả cho CNV.

Nợ TK 334 Phải trả CNV.

Có TK 111, 112.

Trả lương theo sản phẩm.

Nợ TK 334 Phải trả CNV (Không thuế GTGT)

Có TK 3331 Thuế GTGT (nếu có)

Có TK 512 Doanh thu nội bộ.

Hoặc

Nợ TK 334 Phải trả CNV

Có TK 512 Doanh thu nội bộ.

- Chi phí tiền ăn ca.

Nợ TK 622, 623, 627, 641, 642.

Có 334 Phải trả CNV.

- Khi chi tiền ăn ca.

Nợ TK 334 Phải trả CNV

Có Tk 111, 112.

- Số hàng tồn kho hao hụt, mất mát, cá nhân phải bồi thường

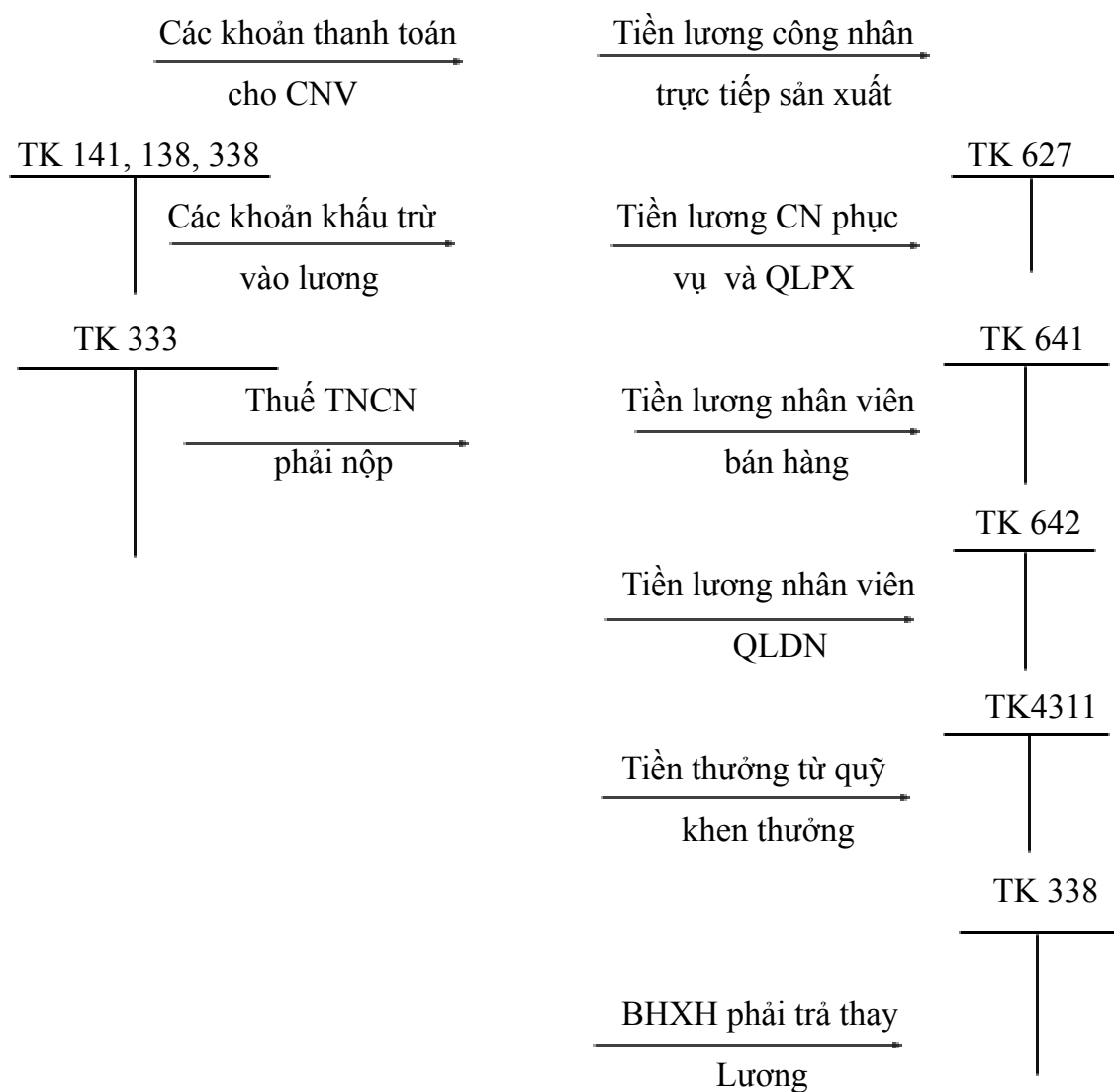
Nợ TK 334 Phải trả CNV

Có 1381 Tài sản thiếu chờ xử lý.

TK 111, 112

TK 334

TK 622



Hình 2.1 Sơ đồ chữ T về phương pháp hạch toán tài khoản 334

2.4.2 Kế toán các khoản trích theo lương

2.4.2.1 Chứng từ và thủ tục liên quan

- Các chứng từ được dùng làm căn cứ để tính các khoản trợ cấp BHXH trả thay lương theo chế độ quy định đối với trường hợp nghỉ việc do đau ốm, thai sản,... của người lao động.
- Các chứng từ, thủ tục sử dụng: Bảng chấm công, giấy chứng nhận nghỉ hưởng BHXH, bảng thanh toán BHXH,...

2.4.2.2 Tài khoản sử dụng hạch toán.

- Tài khoản sử dụng:
 - + 338 “phải trả, phải nộp khác”.
 - + 3382 “Kinh phí công đoàn”.
 - + 3383 “Bảo hiểm xã hội”.
 - + 3384 “Bảo hiểm y tế”.

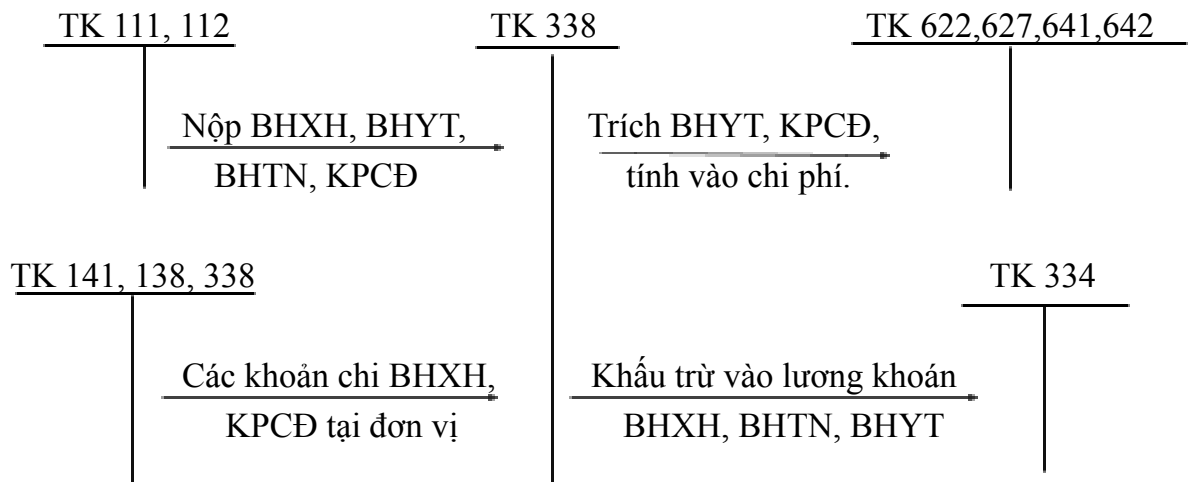
Nợ	TK 338	Có
- BHXH phải trả thay lương trong kỳ.		- Các khoản trích nộp theo lương
- Các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ thực nộp.		- BHXH chi hộ thừa nhận hoàn lại trong kỳ.
		Số đã trích chưa sử dụng

2.4.2.3 Các nghiệp vụ phát sinh và phương pháp hạch toán

- Các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ được trích hàng tháng.
 - Nợ TK 622, 623, 627, 641,...
 - Có TK 338 Phải trả, phải nộp khác.
- Số tiền BHXH, BHYT trích hàng tháng trừ vào lương.
 - Nợ TK 334 Phải trả công nhân viên.
 - Có TK 338 Phải trả, phải nộp khác.
- Nộp BHXH, KPCĐ cho cơ quan quản lý.
 - Nợ TK 338 Phải trả, phải nộp khác.
 - Có TK 111, 112
- Số BHXH phải trả công nhân viên khi ốm đau, thai sản,...
 - Nợ TK 338 Phải trả, phải nộp khác.
 - Có TK 334 Phải trả công nhân viên.
- Chi tiêu quỹ BHXH, KPCĐ tại đơn vị.
 - Nợ TK 338 Phải trả, phải nộp khác.
 - Có TK 111, 112
- BHXH, KPCĐ chi vượt được cấp bù.

Nợ TK 111, 112

Có TK 338 Phải trả, phải nộp khác.



Hình 2.2 Sơ đồ chữ T về phương pháp hạch toán tài khoản

2.4.3 Kế toán trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất.

2.4.3.1 Chứng từ và thủ tục liên quan.

- Bảng chấm công.
- Bảng tính lương.
- Bảng thanh toán tiền lương.

.....

2.4.3.2. Tài khoản sử dụng hạch toán.

- Tài khoản sử dụng 335 “Chi phí trả trước”.

Nợ	TK 335	Có
- Thực phải trả lương phép trong kỳ. - Giảm cho phí cuối niên độ do Thực chi nhỏ hơn trích trước lương.		- Các khoản chi phí đã được trích trước vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.
		Các khoản chi phí đã trích trước

theo kế hoạch nhưng chưa phát Sinh.

2.4.3.3. Phương pháp trích trước.

Mức trích trước Tiền lương nghỉ Phép	=	Quỹ tiền lương chính thực tế trong tháng	x	Tỷ lệ trích trước tiền lương nghỉ phép (2.5)
--	---	--	---	--

Quỹ tiền lương Phép kế hoạch Trong năm	=	Số lượng công nhân thực tế	x	Số ngày phép năm theo quy định	x	Mức lương thời gian bình quân ngày theo kế hoạch (2.6)
--	---	----------------------------------	---	--------------------------------------	---	---

Tỷ lệ trích trước tiền lương nghỉ phép	=	$\frac{\text{Quỹ tiền lương phép kế hoạch trong năm}}{\text{Quỹ tiền lương phép kế hoạch trong năm trực tiếp}}$	x	100 (2.7)
--	---	---	---	--------------

2.4.3.4. Các nghiệp vụ phát sinh và phương pháp hạch toán.

- Tính trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân sản xuất trong kỳ.
 Nợ TK 642 Chi phí QLDN.
 Có 335 Chi phí trả trước.
- Số tiền lương thực tế phải trả cho công nhân sản xuất.
 Nợ TK 335 Chi phí trả trước.
 Có TK 334 Phải trả công nhân viên.

Chương 3
THỰC HIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN
TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU KIM
SƠN

3.1 Khái quát về công ty TNHH MTV xăng dầu Kim Sơn

3.1.1 Khái quát về công ty và cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

3.1.1.1 Khái quát công ty

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Kim Sơn

- Thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 2001008904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau ký ngày 25/02/2011, đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 27/08/2013.

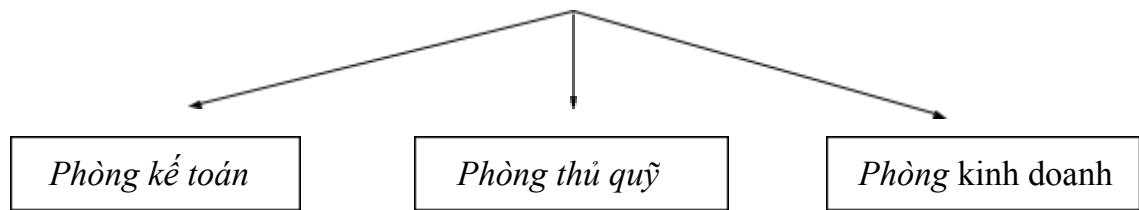
Mã số thuế: 2001008904

- Địa chỉ: Số 443C, Nguyễn Trãi, Phường 9, TP. Cà Mau

- Vốn điều lệ: 19.212.000.000đ

3.1.1.2 Cơ cấu bộ máy quản lý tại công ty TNHH MTV xăng dầu Kim Sơn

Giám đốc



Hình 3.1 Sơ đồ bộ máy quản lý

- Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

+ Giám đốc: Giám đốc là người điều hành cao nhất, chịu trách nhiệm hoàn toàn mọi hoạt động và hoạch định chiến lược và định hướng kinh doanh của công ty. Giám đốc là người quản lý và sử dụng số nhân viên được công ty tuyển dụng trên cơ sở bố trí phù hợp để nhằm phát huy tốt đội ngũ nhân viên.

+ Phó giám đốc: Ghi chép, tính toán, phản ánh số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng kinh phí của công ty. Cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra và phân tích hoạt động tài chính.

+ Phòng thủ quỹ: Quản lý các khoản thu, chi của công ty.

+ Phòng kinh doanh: Tổng hợp và phân tích các báo cáo kinh doanh, lập kế hoạch cung ứng vật liệu, tìm hiểu thị trường, đề ra hoạt động cho công ty, giúp ban giám đốc điều hành và quản lý hoạt động kinh doanh của công ty.

3.1.2 Chế độ, hình thức và phương pháp kế toán

3.1.2.1 Chế độ kế toán

- Công ty áp dụng chế độ kế toán số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

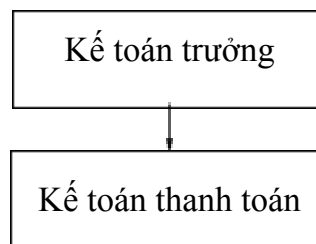
3.1.2.2 Hình thức kế toán

- Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

3.1.2.3 Phương pháp kế toán

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam
- Hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung
- Hệ thống báo cáo tài chính được công ty sử dụng hiện nay gồm:
 - + Bảng cân đối kế toán
 - + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - + Bảng cân đối tài khoản
 - + Thuyết minh báo cáo tài chính

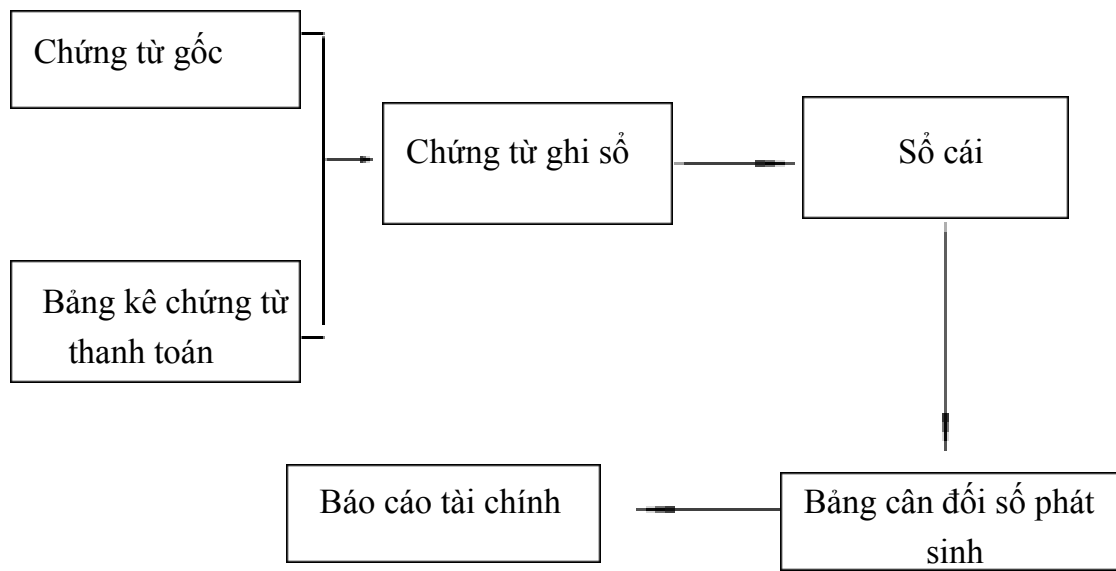
3.1.3 Tổ chức kế toán của Công ty TNHH MTV xăng dầu Kim Sơn



Hình 3.2 sơ đồ tổ chức kế toán

- Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:
 - + Kế toán trưởng: Tổ chức điều hành bộ máy kế toán, hệ thống sổ sách kế toán thực hiện báo cáo kế toán theo quy định, có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo cán bộ kế toán được giao và chịu trách nhiệm trong việc báo cáo kết quả trước giám đốc.
 - + Kế toán thanh toán: Kiểm tra mọi khoản thu, chi phát sinh ở công ty. Theo dõi và thanh toán các khoản tiền tạm ứng phải thu phải trả. Lập phiếu thu hoặc phiếu chi kèm theo các chứng từ gốc trình kế toán trưởng và giám đốc công ty duyệt làm căn cứ thực hiện thu hoặc chi.

3.1.4 Hình thức sổ sách áp dụng tại Công ty TNHH MTV xăng dầu Kim Sơn



Hình 3.3 Sơ đồ nhật ký chung

Ghi chú:  Ghi hàng ngày
  Ghi cuối tháng

Diễn giải: - Hàng ngày: Căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán định khoản ghi vào bảng tổng hợp chứng từ gốc hoặc chứng từ gốc được dùng làm căn cứ để ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng kế toán phải khóa sổ tính ra số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái

-Sau khi đối chiếu khớp đúng các số liệu ghi trên sổ cái. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo: Tổng số phát sinh nợ phải bằng tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh và bằng tổng số phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và tổng số dư có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau. Số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

3.2 Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV xăng dầu Kim Sơn

3.2.1 Phương pháp tính lương tại Công ty TNHH MTV xăng dầu Kim Sơn

3.2.1.1 Cơ cấu lao động trong công ty TNHH MTV xăng dầu Kim Sơn

- Hiện nay trong công ty có tất cả 12 nhân viên. Được chia làm 2 cấp gồm: Quản lý và nhân viên.

Trong đó: Cấp quản lý có 4 người.

Cấp nhân viên có 8 người.

3.2.1.2 Phương pháp tính lương cho người lao động.

Để thanh toán tiền lương và tiền thưởng cho người lao động hàng tháng kế toán lập quy trình như sau:

- Đầu tiên là bảng chấm công là cơ sở để tính toán kết quả lao động và tiền lương cho công nhân viên trong công ty. Bảng này do tổ trưởng giám sát và theo dõi cho tất cả nhân viên trong công ty, bảng chấm công và bảng thưởng được để nơi công khai, cuối tháng kế toán tổng hợp lại thời gian lao động và tính ra tiền lương cho từng nhân viên. Sau đó, được phản ánh vào bảng thanh toán tiền lương và bảng thưởng, kế toán thanh toán có trách nhiệm kiểm tra xem quy trình tính có đúng không và tiến hành thanh toán lương và khoản trích theo lương. Nếu trong trường hợp người lao động có thưởng thì người lao động được cộng với tiền tháng đó và nếu trong tháng có người lao động tạm ứng, hoặc nghỉ không phép thì trừ trực tiếp vào lương.

- Bảng thanh toán tiền lương phải có được xác nhận kế toán trưởng và giám đốc duyệt rồi mới tiến hành thanh toán tiền lương cho người lao động. Công ty thanh

toán tiền lương cho người lao động bằng tiền mặt, nhận tại công ty. Khi thanh toán tiền lương cho người lao động phải có chữ ký xác nhận của người lao động

3.2.1.3 Hình thức trả lương tại công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn

- Hiện nay Công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn áp dụng hình thức trả lương theo thời gian. Hình thức trả lương theo thời gian được công ty áp dụng cho cấp quản lý và nhân viên. Tiền lương hàng tháng của bộ phận này được trả theo hệ số căn cứ bảng chấm công và tình hình hoạt động của công ty. Mức tiền lương được hưởng sẽ phụ thuộc vào tiền lương cơ bản và số ngày làm việc thực tế trong tháng của mỗi người.

Ta có:

$$\text{Lương tháng} = \text{Mức lương căn bản} \times (\text{Hệ số lương} + \text{Các khoản phụ cấp}) \quad (3.1)$$

Ví dụ: Ngày 31 tháng 12 năm 2014 lương tháng của giám đốc tại công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn. Ông Giang Viễn Tân (Giám đốc).

Mức lương căn bản: 1.050.000 đồng.

Các khoản phụ cấp: 2

Hệ số lương: 4.5

$$\text{Lương tháng} = 1.050.000 \times (4.5 + 2) = 6.825.000 \text{ đồng}$$

3.2.2 Các khoản trích theo lương

- Quỹ bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh nhằm trợ cấp cho trường hợp công nhân viên tạm thời hay vĩnh viễn mất sức lao động như đau ốm, thai sản, tai nạn lao động,... Trong công ty BHXH được tính như sau: 26% trên tổng quỹ lương cấp bậc và các khoản phụ cấp thường xuyên của người lao động thực tế trong kì hạch toán. Trong đó, người sử dụng lao động phải nộp 18% và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, còn lại là người lao động nộp 8% và trừ vào lương hàng tháng.

- Quỹ bảo hiểm y tế: Được sử dụng để thanh toán các khoản tiền khám chữa bệnh, viện phí,...và chăm sóc sức khỏe cho người lao động. BHYT được tính 4,5% bắt buộc. Trong đó, doanh nghiệp phải chịu 3% khoản này tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, còn lại 1,5% do người lao động nộp, khoản này trừ vào tiền lương của họ.

- Bảo hiểm thất nghiệp là khoản tiền mà người lao động được hưởng trong trường hợp bị mất việc làm, chấp dứt hợp đồng lao động mà chưa có việc làm Bảo hiểm này được hình thành bằng cách trích theo tỉ lệ 2% trên tổng số lương phải trả hàng tháng. Ví dụ: Ngày 31 tháng 12 năm 2014 lương tháng Ông Giang Viễn Tân (Giám đốc) tại công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn.

Mức lương căn bản: 1.050.000 đồng.

Các khoản phụ cấp: 2

Các khoản (BHXH, BHYT,...) 10.5%

Hệ số lương: 4.5

$$\text{Lương tháng} = 1.050.000 \times (4.5 + 2) = 6.825.000 \text{ đồng}$$

$$\text{Khoản phải nộp} = 6.825.000 \times 10.5\% = 717.000 \text{ đồng}$$

$$\text{Thực lãnh} = 6.825.000 - 717.000 = 6.108.000 \text{ đồng}$$

- Ngày 31 tháng 12 năm 2014 lương tháng Ông Trần Tấn Lực (Tổ trưởng) tại công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn.

Mức lương căn bản: 1.050.000 đồng.

Các khoản phụ cấp: 2.5

Các khoản (BHXH, BHYT,...) 10.5%

Hệ số lương: 3

$$\text{Lương tháng} = 1.050.000 \times (3 + 2.5) = 5.775.000 \text{ đồng}$$

$$\text{Khoản phải nộp} = 5.775.000 \times 10.5\% = 606.000 \text{ đồng}$$

$$\text{Thực lãnh} = 5.775.000 - 606.000 = 5.169.000 \text{ đồng}$$

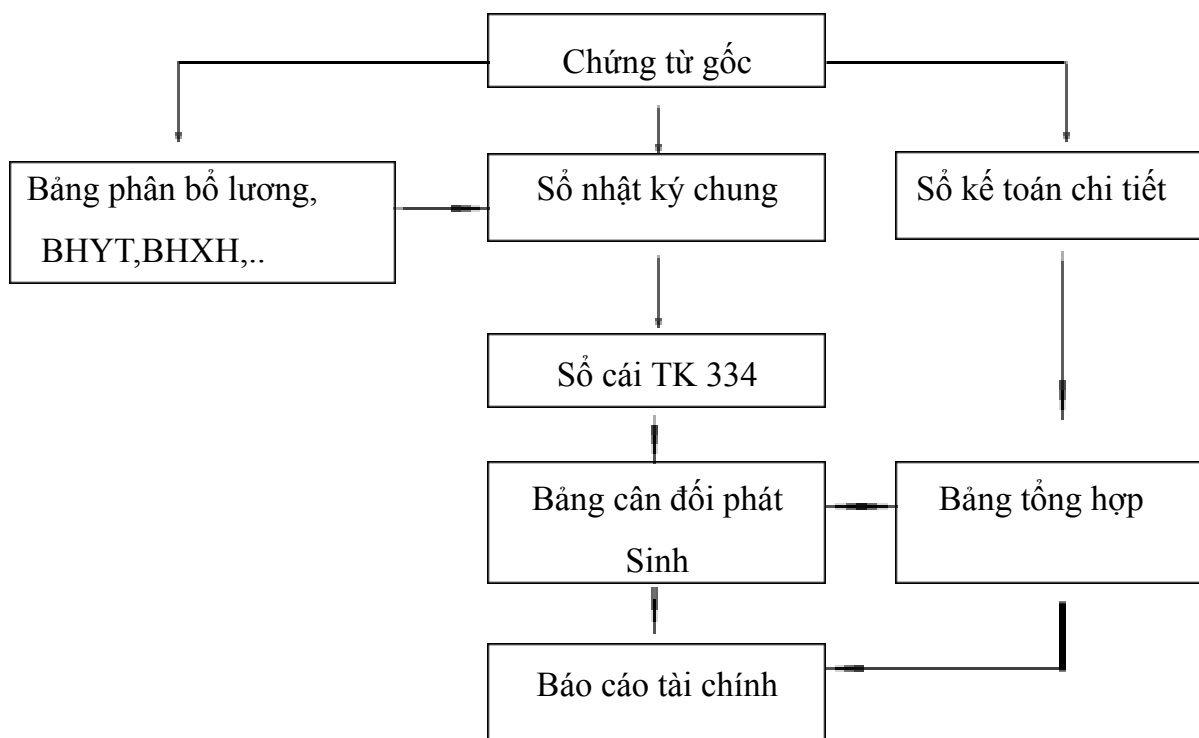
3.3 Thực trạng về kế toán các khoản phải trả cho người lao động, các khoản trích theo lương và trích trước tiền lương nghỉ phép của nhân viên trong Công ty TNHHMTV xăng dầu Kim Sơn

3.3.1 kế toán các khoản phải trả cho người lao động (Tiền lương)

3.3.1.1 Chứng từ

- Mẫu số 20 – LĐTL : Bảng thanh toán tiền lương.
- Phiếu chi
- Phiếu thu

3.3.1.2 Tài khoản sử dụng và quy trình luân chuyển các số liệu
- Sổ chi tiết TK 334



Sơ đồ 3.4 Sơ đồ sử dụng tài khoản 334

Ghi chú:

————→ Hàng ngày.

——— Cuối tháng hoặc cuối kỳ.

——— Đối chiếu.

3.3.1.3 Các nghiệp vụ phát sinh

- Ngày 15/12/2014 Ứng trước tiền lương cho nhân viên trong công ty

Nợ 334	15.000.000 đồng
Có 111	

- Ngày 31/12/2014 Tiền lương phải trả cho nhân viên

Nợ 642	48.615.000 đồng
Có 334	

- Ngày 31/12/2014 Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN trừ vào lương người lao động

Nợ 334:	48.615.000	x	10.5%	=	5.104.575	đồng
Có 3383	48.615.000	x	8%	=	3.889.200	đồng
Có 3384	48.615.000	x	1.5%	=	729.225	đồng
Có 3389	48.615.000	x	1%	=	486.150	đồng

- Ngày 31/12/2014 Thanh toán tiền lương T12/2015 cho người lao động.

Nợ 642	28.510.425 đồng
Có 334	

3.3.2 Các khoản trích theo lương

3.3.2.1 Chứng từ

- Sổ cái tài khoản 338
- Sổ chi tiết tài khoản 3383, 3384, 3389
- Phiếu thu (Nếu có)
- Phiếu chi (Nếu có)

3.3.2.2 Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 338: phải trả phải nộp khác, tài khoản này dùng để phản ánh các khoản phải trả, phải nộp cho các tổ chức đoàn thể về KHCĐ, BHXH, BHYT, BHTN. Cụ thể như:

+ 3382: Kinh phí công đoàn.

- + 3383: Bảo hiểm xã hội
- + 3384: Bảo hiểm y tế.
- + 3389: Bảo hiểm thất nghiệp.

3.3.2.3 Các nghiệp vụ phát sinh

- Ngày 31/12/2014 Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tính vào chi phí

Nợ 642	48.615.000	x	22%	=	10.695.300	đồng
Có 3383	48.615.000	x	18%	=	8.750.700	đồng
Có 3384	48.615.000	x	3%	=	1.458.450	đồng
Có 3389:	48.615.000	x	1%	=	486.150	đồng

- Ngày 31/12/2014 Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN trừ vào lương người lao động

Nợ 334:	48.615.000	x	10.5%	=	5.104.575	đồng
Có 3383	48.615.000	x	8%	=	3.889.200	đồng
Có 3384	48.615.000	x	1.5%	=	729.225	đồng
Có 3389	48.615.000	x	1%	=	486.150	đồng

3.4 Ưu, nhược điểm và giải pháp khắc phục phương thức hạch toán tại công ty.

3.4.1 Ưu và nhược điểm của phương thức hạch toán tại công ty.

3.4.1.1 Ưu điểm

- Cách hạch toán lương và các khoản trích theo lương, cũng như về chế độ tiền lương và chế độ phụ cấp đối với người lao động luôn chấp hành đúng quy định của nhà nước đưa ra. Công ty sử dụng hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán theo đúng chế độ kế toán được đưa ra. Tuy nhiên, Có một số biểu bảng và chứng từ được sửa lại cho phù hợp với yêu cầu công tác của công ty.

- Trong quá trình tính lương đảm bảo tính chính xác trong tháng và giữa các tháng trong năm. Việc ghi chép số liệu vào sổ luôn đảm bảo chính xác và hợp lý. Các chứng từ đầy đủ chữ ký, đảm bảo chính xác, không bị tẩy xóa.

- Công tác quản lý nhân sự chặt chẽ, giúp thực hiện tốt lịch phân công, công việc cho nhân viên, và đối chiếu việc chấm công đảm bảo tính công bằng đối với người lao động.

- Việc thanh toán các khoản phải trả, phải thu rõ ràng. Thanh toán cho nhân viên bằng tiền mặt và đúng thời hạn quy định. Có tạm ứng lương cho nhân viên nhằm tạo

điều kiện cho nhân viên chi tiêu, sinh hoạt cần thiết. Vì vậy tạo được sự tin tưởng và tâm lý thoải mái cho người lao động đang làm việc.

3.4.1.2 Nhược điểm

- Kế toán thực hiện tính lương dựa trên bảng chấm công để tính số ngày làm việc trong tháng. Tuy nhiên bảng chấm công chỉ tính số ngày đi làm và số ngày nghỉ không thể hiện việc đi trễ, về sớm và chất lượng thực hiện công tác của từng nhân viên.

- Hiện tại công ty trả lương cho nhân viên bằng tiền mặt. Với số tiền lớn như vậy dễ gây lẫn lộn, sai sót và tốn nhiều thời gian trong quá trình chi trả cho người lao động.

- Trong việc trích lập các khoản trích theo lương, kế toán tính gộp các khoản trích là 10.5% vì thế nên không tạo ra được sự tách biệt giữa các khoản trích gây nên khó khăn cho nhà quản lý trong việc kiểm tra và theo dõi.

3.4.2 Giải pháp khắc phục

- Đối với việc chấm công ngoài việc phản ánh số ngày làm việc thực tế trong tháng còn phải phản ánh tinh thần trách nhiệm của người lao động. Vì vậy, việc chấm công chính xác là hết sức cần thiết để đảm bảo sự công bằng cho sức lực người lao động đã bỏ ra.

- Kế toán cần không ngừng nghiên cứu để hệ thống lại sổ sách và chứng từ sao cho gọn nhẹ, dễ sử dụng nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ thông tin và đúng quy định. Như trong việc trích lập các khoản trích theo lương cần nêu rõ các khoản trích lập là bao nhiêu nhưng trong báo cáo vẫn ngắn gọn và dễ theo dõi.

- Do việc trả lương bằng tiền mặt rất dễ gây ra rủi ro. Nên công ty cần tạo cho mỗi nhân viên trong công ty một tài khoản riêng, giúp cho kế toán thanh toán tiền lương dễ dàng và ít tốn thời gian hơn.

- Tuy tiền lương trong công ty trả cho người lao động là ổn định nhưng công ty cũng cần thêm các khoản thưởng hoặc trả thêm tiền vào các ngày lễ trong năm nhằm tạo nên sự khuyến khích và tích cực trong công việc .

CHƯƠNG 4

KẾT LUẬN

Với sự chuyển đổi nền kinh tế từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu sang nền kinh tế thị trường như, hiện nay nó có tác động mạnh mẽ đến các doanh nghiệp. Do đó các hoạt động của các doanh nghiệp ngày đa dạng, phong phú và sôi nổi đòi hỏi luật pháp và các biện pháp kinh tế. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương là một công tác quan trọng trong công tác kế toán. Đây là một nhân tố quan trọng gắn liền với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, việc hoạch toán chính xác chi phí nhân công có tầm quan trọng vừa là cơ sở xác định giá trị của doanh nghiệp vừa là xác định các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước. Không những thế nó còn là thước đo thành quả và những đãi ngộ cho người lao động. Qua tìm hiểu em thấy rằng tiền lương có thể nói nó như một “đòn bẩy” giúp doanh nghiệp quản lý và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động. Mỗi doanh nghiệp đều có một hình thức, cách thức khác nhau nhưng các doanh nghiệp đều muốn có cách thức, chi trả, hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương phù hợp với doanh nghiệp mình. Chính vì do sự thay đổi về kinh tế và đặc thù kinh doanh mà tiền lương và các khoản trích theo lương cũng tồn tại những thay đổi. Do đó, các nhà quản lý đã, đang và sẽ cố gắng khắc phục những tồn tại đó nhằm hoàn thiện hơn trong công tác tiền lương và các khoản trích theo lương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Văn Dương, Võ Minh Hùng, năm 2007 “ *Hướng dẫn thực hành kế toán tài chính*”. Nhà xuất bản Cao Đẳng và Đại Học chuyên nghiệp, Hà Nội.

Bộ Tài Chính, 2008. “*Chế độ kế toán Việt Nam*”, Hà Nội: NXB Lao động.

Bộ tài chính, 2007. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hà Nội: NXB Thống kê.

TS. Nguyễn Phương Liên, 2010. “*Hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp*”, Hà Nội: NXB Tài chính.

CTY TNHH MTV Xăng Dầu Kim Sơn
443C Nguyễn Trãi, P.9, TP. Cà Mau
Mã số thuế: 2001008904

BẢNG CHẤM CÔNG
 (Từ 01/12/1014 đến 31/12/2014)

Họ và Tên	Ngày trực																															kí nhận	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
Lâm Hoàng Vân	x	x	x	x	x	x	x																										
Doanh Thị Nhỏ	x	x	x	x	x	x	x																										
Phạm Tuấn Anh								x	x	x	x	x	x	x																			
Nguyễn Bá Khách								x	x	x	x	x	x	x																			
Nguyễn Văn Te															x	x	x	x	x	x	x	x	x										
Trương Văn Tuấn															x	x	x	x	x	x	x	x	x										
Dương Chí Nguyễn																								x	x	x	x	x	x	x	x		

Lê Khải Văn	x x x x x x x x
-------------	-----------------

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tổ trưởng

CTY TNHH MTV Xăng Dầu Kim Sơn
443C Nguyễn Trãi, P.9, TP. Cà Mau
Mã số thuế: 2001008904

DANH SÁCH CẤP PHÁT LƯƠNG

(Từ 01/12/1014 đến 31/12/2014)

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Hệ số	Tiền lương căn bản	Khoản phải nộp (BHXB,BHYT,..)10.5%	Tiền lương nhận trong tháng	Ký nhận
1	Giang Viễn Tân	Giám Đốc	4.5	6.825.000	717.000	6.180.000	
2	Trần Tấn Lực	Tổ trưởng	3	5.775.000	606.000	5.169.000	
3	Lý Kim Tuyền	KT.Trưởng	3	5.775.000	606.000	5.169.000	
4	Nguyễn Thị Thúy	KT.Thanh toán	2	3.360.000	353.000	3.007.000	
5	Lâm Hoàng Vân	Nhân viên	2	3.360.000	353.000	3.007.000	
6	Danh Thị Nhỏ	Nhân viên	2	3.360.000	353.000	3.007.000	

7	Phạm Tuấn Anh	Nhân viên	2	3.360.000	353.000	3.007.000	
8	Nguyễn Bá Khách	Nhân viên	2	3.360.000	353.000	3.007.000	
9	Nguyễn Văn Te	Nhân viên	2	3.360.000	353.000	3.007.000	
10	Trương Văn Tuấn	Nhân viên	2	3.360.000	353.000	3.007.000	
11	Dương Chí Nguyễn	Nhân viên	2	3.360.000	353.000	3.007.000	
12	Lê Khải Văn	Nhân viên	2	3.360.000	353.000	3.007.000	
Tổng				48.615.000	5.106.000	43.581.000	

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ
CTY TNHH MTV Xăng Dầu Kim Sơn
443C Nguyễn Trãi, P.9, TP. Cà Mau
Mã số thuế: 2001008904

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
 Giám đốc

SỔ CHI TIẾT BHXH (3383)

(Tháng 12 năm 2014)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có

30/12/2014	12NVM485	30/12/2014	Trích BHXH 8%	334		3.889.200
30/12/2014	12NVM485	30/12/2014	Trích BHXH 18%	642		8.750.700
30/12/2014	12NVM485	30/12/2014	Nộp BHXH T12/2014	111	12.639.900	
			Cộng số phát sinh		12.639.900	12.639.900

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ

Ngày 30 tháng 12 năm 2014
Kế toán trưởng

CTY TNHH MTV Xăng Dầu Kim Sơn
443C Nguyễn Trãi, P.9, TP. Cà Mau
Mã số thuế: 2001008904

SỔ CHI TIẾT BHYT (3384)
(Tháng 12 năm 2014)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
30/12/2014	12NVM485	30/12/2014	Trích BHYT 1.5%	334		729.225
30/12/2014	12NVM485	30/12/2014	Trích BHYT 3%	642		1.458.450
30/12/2014	12NVM485	30/12/2014	Nộp BHYT T12/2014	111	2.187.675	
			Cộng số phát sinh		2.187.675	2.187.675

Ngày mở sổ.....

Ngày 30 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

CTY TNHH MTV Xăng Dầu Kim Sơn
443C Nguyễn Trãi, P.9, TP. Cà Mau

Mã số thuế: 2001008904

SỔ CHI TIẾT BHTN (3389)
(Tháng 12 năm 2014)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
30/12/2014	12NVM485	30/12/2014	Trích BHYT 1%	334		486.150
30/12/2014	12NVM485	30/12/2014	Trích BHYT 1%	642		486.150
30/12/2014	12NVM485	30/12/2014	Nộp BHYT T12/2014	111	972.300	
			Cộng số phát sinh		972.300	972.300

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ

Ngày 30 tháng 12 năm 2014
Tổ trưởng

CTY TNHH MTV Xăng Dầu Kim Sơn
443C Nguyễn Trãi, P.9, TP. Cà Mau
Mã số thuế: 2001008904

SỔ CÁI (TK 338)
(Dùng cho hình thức nhật ký chung)
Tháng 12 năm 2014

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
30/12/2014	12NVK485	30/12/2014	Trích BHXH (8%)			334		3.889.200
30/12/2014	12NVK485	30/12/2014	Trích BHYT (1.5%)			334		729.225
30/12/2014	12NVK485	30/12/2014	Trích BHTN (1%)			334		486.150
30/12/2014	12NVK485	30/12/2014	Trích BHXH (18%)			642		8.750.700
30/12/2014	12NVK485	30/12/2014	Trích BHYT (3.5%)			642		1.458.450
30/12/2014	12NVK485	30/12/2014	Trích BHTN (1%)			642		486.150

31/12/2014	12NVK485	30/12/2014	Nộp chuyển trả tiền BHXH, BHYT, BHTN T12/2014			112	15.799.875	
------------	----------	------------	--	--	--	-----	------------	--

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 12 năm 2014
Giám đốc

CTY TNHH MTV Xăng Dầu Kim Sơn
443C Nguyễn Trãi, P.9, TP. Cà Mau
Mã số thuế: 200100890

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 334

(Từ ngày 1/12/2014 đến 31/12/2014)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu				Nợ	Có
15/12/2014	17PVK486	15/12/2014	Tạm ứng T12/2014	111	15.000.000	

31/12/2014	17PVK486	31/12/2014	Tiền lương phải trả	642		48.615.000
31/12/2014	17PVK486	30/12/2014	Trích BHXH (8%)	3383	3.889.200	
31/12/2014	17PVK486	31/12/2014	Trích BHYT (1.5%)	3384	729.225	
31/12/2014	17PVK486	31/12/2014	Trích BHTN (1%)	3389	486.150	
31/12/2014	17PVK486	31/12/2014	Thanh toán tiền lương cho CBCNV T12/2014	111	28.510.425	
			Cộng số phát sinh		48.615.000	48.615.000

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc

CTY TNHH MTV Xăng Dầu Kim Sơn
443C Nguyễn Trãi, P.9, TP. Cà Mau
Mã số thuế: 200100890

SỔ CÁI (TK 334)

(Dùng cho hình thức nhật ký chung)

Tháng 12 năm 2014

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu			Trang số	STT dòng		Nợ	Có
15/12/2014	17PVK486	15/12/2014	Tạm ứng T12/2014			111	15.000.000	
31/12/2014	17PVK486	31/12/2014	Tiền lương phải trả			642		48.615.000
31/12/2014	17PVK486	30/12/2014	Trích BHXH (8%)			3383	3.889.200	
31/12/2014	17PVK486	31/12/2014	Trích BHYT (1.5%)			3384	729.225	
31/12/2014	17PVK486	31/12/2014	Trích BHTN (1%)			3389	486.150	
31/12/2014	17PVK486	31/12/2014	Thanh toán tiền lương cho CBCNV T12/2014			111	28.510.425	
			Cộng số phát sinh				48.615.000	48.615.000

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc

Xem Thêm ==> Kho 99 [bài Về Kế Toán Tiền Lương](#)

<https://baocaothuctap.net/bao-cao-thuc-tap-ke-toan/>

Xem thêm ==> 99 Đề cương kế toán tiền lương

<https://baocaothuctap.net/de-cuong-bao-cao-ke-toan-tien-luong-va-cac-khoan-trich-theo-luong/>

Xem thêm ==> tải 4 bài cơ sở lý luận về kế toán tiền lương

<https://baocaothuctap.net/co-so-ly-luan-ve-ke-toan-tien-luong-va-cac-khoan-trich-theo-luong/>

xem thêm ==> 4 MẪU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG

<https://baocaothuctap.net/de-cuong-bao-cao-ke-toan-tien-luong-va-cac-khoan-trich-theo-luong/>

Xem thêm ==> 9 lời mở đầu báo cáo thực tập kế toán tiền lương

<https://baocaothuctap.net/loi-mo-dau-ke-toan-tien-luong/>

liên hệ hỗ trợ viết bài mọi người kết bạn qua zalo : [0909232620](https://www.zalo.me/0909232620)